



# CÔNG BÁO

Tỉnh Đồng Nai

Số 05

Ngày 26 tháng 01 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

22-12-2023	Quyết định số 54/2023/QĐ-UBND quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ tách thành dự án độc lập để giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	3
25-12-2023	Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai	7
25-12-2023	Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	24
27-12-2023	Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	38
28-12-2023	Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành	41

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

21-12-2023	Quyết định số 3355/QĐ-UBND về việc điều chỉnh điểm g khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt quy hoạch phân khu A9 tại phường Tân Vạn, phường Bửu Hòa, phường Hóa An theo quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	43
29-12-2023	Chỉ thị số 18/CT-UBND về tập trung thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024	45
29-12-2023	Chỉ thị số 19/CT-UBND về việc đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	48
29-12-2023	Chỉ thị số 20/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	54
29-12-2023	Chỉ thị số 21/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý nhà nước để thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 về quản lý, bảo vệ môi trường	60

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ tách thành dự án  
độc lập để giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá  
quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 564/TTr-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập đối với các dự án có sử dụng phần diện tích đất do Nhà nước giao để quản lý quy định tại Điều 8 của Luật Đất đai năm 2013, đất nông nghiệp sử dụng vào mục

đích công ích, đất mà người đang sử dụng đất không có quyền chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và không có tài sản gắn liền với đất mà phần diện tích đất này có vị trí nằm xen kẽ với phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

2. Quyết định này áp dụng đối với phần diện tích đất được quy định tại khoản 1 Điều này, nằm trong ranh dự án sử dụng đất theo quy định tại Điều 73 của Luật Đất đai năm 2013.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư có sử dụng đất; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các nhà đầu tư theo quy định Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020 thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất đáp ứng các quy định của pháp luật đất đai trong việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

## **Điều 3. Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập**

1. Điều kiện để tách thành dự án độc lập

a) Thuộc phần diện tích đất được quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

b) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng (quy hoạch đô thị, nông thôn và khu chức năng) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

2. Tiêu chí, quy mô, tỷ lệ diện tích tách thành dự án độc lập

a) Tiêu chí: Thửa đất, khu đất khi tách thành dự án độc lập phải đảm bảo tiếp giáp với đường giao thông theo hiện trạng từ 6 m trở lên hoặc đường giao thông theo quy hoạch sẽ được hình thành đường khi thực hiện dự án; có khả năng kết nối dự án với hạ tầng kỹ thuật xung quanh; đủ quy chuẩn lập quy hoạch chi tiết hoặc mặt bằng tổng thể dự án theo mục đích phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Về quy mô, tỷ lệ diện tích: Thửa đất, khu đất thuộc quy định tại khoản 1 Điều này có diện tích 300,0 m<sup>2</sup> trở lên đảm bảo tiêu chí tại điểm a khoản 2 điều này.

3. Trường hợp trong ranh giới dự án có nhiều thửa đất, khu đất quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định này, điều kiện để tách thành dự án độc lập được thực hiện cho từng thửa đất, khu đất đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tỷ lệ, diện tích quy định tại khoản 2 Điều này.

## **Điều 4. Xử lý các trường hợp không đủ điều kiện để tách thành dự án độc lập**

1. Trường hợp thửa đất, khu đất không đủ điều kiện để tách thành dự án độc lập theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này, cơ quan thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của

Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ).

2. Trường hợp thửa đất, khu đất đảm bảo điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ diện tích để tách thành dự án độc lập quy định tại Điều 3 Quy định này mà có hình dạng phức tạp không thể lập quy hoạch chi tiết hoặc mặt bằng tổng thể để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 5. Phân công thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trong quá trình xử lý hồ sơ cấp quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án mà trong ranh dự án có phần diện tích đất theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định tại Quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa và các sở, ngành liên quan xác định ranh giới, diện tích phần diện tích đất theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này nằm trong dự án tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện việc thu hồi đất, đấu giá quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này đủ điều kiện tách thành dự án độc lập theo phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

3. Sở Xây dựng: Xác định tiêu chuẩn lập quy hoạch chi tiết hoặc mặt bằng tổng thể; cung cấp thông tin quy hoạch xây dựng đối với diện tích dự kiến được tách thành dự án độc lập; trong đó, nêu cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch xây dựng (vị trí, ranh giới, diện tích, các chỉ tiêu sử dụng đất như tầng cao xây dựng công trình, mật độ xây dựng tối đa) để đảm bảo việc tách dự án độc lập có thể triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa: Có trách nhiệm rà soát, lập danh sách thống kê phần diện tích đất thuộc diện đất do Nhà nước giao đất để quản lý quy định tại Điều 8 của Luật Đất đai năm 2013; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, đất mà người đang sử dụng đất không có quyền chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và không có tài sản gắn liền với đất mà phần diện tích đất này có vị trí nằm xen kẽ trong ranh dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phương án xử lý khi thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có dự án có trách nhiệm xác định rõ nguồn gốc đất, xác định rõ ranh giới phần diện tích đất theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định này báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố theo quy định.

6. Nhà đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa nơi thực hiện dự án rà soát phần diện tích đất theo quy định tại

khoản 1 Điều 1 Quyết định này. Liên hệ với đơn vị có chức năng đo đạc, xác định diện tích, vị trí trên bản đồ địa chính trong ranh giới dự án; đối với những dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc đã được thỏa thuận tổng mặt bằng của dự án, thực hiện việc chuyển vẽ thiết kế quy hoạch xây dựng lên bản đồ địa chính để xác định diện tích được quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này so với quy hoạch xây dựng làm cơ sở xử lý theo Quy định này.

#### **Điều 6. Quy định chuyển tiếp**

Đối với trường hợp sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh quy định tại Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ mà có diện tích đất được quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này có thể tách thành một dự án độc lập nhưng đã có quyết định thu hồi và giao đất, cho thuê đất cho chủ đầu tư trước ngày Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành thì nhà đầu tư được tiếp tục sử dụng đất cho đến khi hết thời hạn giao đất, cho thuê đất. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất thì thực hiện tách thành dự án độc lập để đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định này.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024.

#### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan quản lý nhà nước và các nhà đầu tư có ý kiến bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Phi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và  
cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 678/TTr-STNMT ngày 14 tháng 11 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**Q. CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai  
(Kèm theo Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.
- Quy định này áp dụng đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

#### Điều 2. Vị trí và chức năng

- Sở Tài nguyên và Môi trường (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Dong Nai Department of Natural Resources and Environment) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ và các dịch vụ công về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng của Sở.
- Sở Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật;
- Trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường đặt tại số 520, đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại giao dịch: (02513) 828680; Fax: (02513) 827364.

Website: <https://stnmt.dongnai.gov.vn>

#### Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

Sở Tài nguyên và Môi trường chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### Chương II

#### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ

#### Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác về lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm, các chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

## 2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về tài nguyên và môi trường sau khi được phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường.

4. Quản lý, tổ chức giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng chứng chỉ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

## 5. Về đất đai

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng nội dung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổng hợp, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c) Chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hạn mức giao đất, công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự khai phá đất để sản xuất nông nghiệp; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân; diện tích tối thiểu được tách thửa và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đất đai đối với từng loại đất;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật; tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo thẩm quyền; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc trưng dụng đất theo quy định;

đ) Thực hiện việc đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo thẩm quyền và theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, ký hợp đồng thuê đất; lập, quản lý, cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với các tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư theo quy định;

e) Tổ chức thực hiện và hướng dẫn kiểm tra việc điều tra đánh giá tài nguyên đất; điều tra, khảo sát, đo đạc, đánh giá đất đai; lập, chỉnh lý và quản lý bản đồ địa chính; thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; xây dựng, vận hành hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai;

g) Chủ trì việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; lập bản đồ giá đất;

h) Chủ trì việc tổ chức xác định giá đất cụ thể làm căn cứ để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương và tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật;

l) Kiểm tra và tổ chức thực hiện việc phát triển quỹ đất; quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định;

m) Theo dõi, đánh giá, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai của địa phương theo quy định của pháp luật.

## 6. Về tài nguyên nước

a) Lập và tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; lập và thực hiện kế hoạch điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Khoanh định vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước đối với mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương; xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của địa phương;

d) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nguồn nước phục vụ cung cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông;

đ) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; thẩm định hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh, truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

e) Tổ chức điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn;

g) Tổ chức điều tra, đánh giá, xác định và trình công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh và các sông suối không thuộc danh mục lưu vực sông liên tỉnh, lưu vực sông nội tỉnh mà có hồ chứa hoặc đã được quy hoạch xây dựng hồ chứa có quy mô khai thác, sử dụng nước thuộc trường hợp phải có giấy phép sử dụng tài nguyên nước;

h) Tổ chức điều tra, đánh giá sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh; công bố nguồn nước không còn sức chịu tải; lập danh mục nguồn nước nội tỉnh; danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo quy định;

i) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

k) Tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; xác nhận về thời gian công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải ngừng khai thác theo thẩm quyền;

l) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc phối hợp thực hiện của các cơ quan tham gia điều phối, giám sát đối với lưu vực sông nội tỉnh.

## 7. Về tài nguyên khoáng sản

a) Khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; xác định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; lập kế hoạch và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi được phê duyệt;

b) Lập phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của địa phương theo quy định; kịp thời phát hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và

Môi trường khi phát hiện có thông tin khoáng sản mới; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản; hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản; hồ sơ trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ; hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản;

d) Tổ chức tiếp nhận, tính, thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ đầu giá quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với các mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết việc khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

## 8. Về môi trường

a) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức cấp, điều chỉnh sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật; thực hiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án; kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản khi tiến hành thủ tục đóng cửa mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức xác nhận việc đăng ký và thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện hoạt động đăng ký, công nhận, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép nuôi trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

c) Tổ chức quản lý, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn theo quy định của pháp luật, gồm: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường; tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc tự động liên tục đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc định kỳ đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; theo dõi,

hướng dẫn, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý theo quy định;

d) Tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu hồi, xử lý các sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tham gia, hướng dẫn, kiểm tra việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và các hoạt động quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức điều tra, đánh giá, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức xây dựng phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học lồng ghép vào quy hoạch tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh mục, dự án thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; tổ chức biện pháp bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo tồn nguồn gen các loài bản địa, loài có giá trị tại địa phương; quản lý, giám sát hoạt động tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen theo quy định của pháp luật; kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; tổ chức kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo đa dạng sinh học, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học cấp tỉnh; lập hồ sơ đề cử công nhận và thực hiện chế độ quản lý các danh hiệu quốc tế về bảo tồn (khu Ramsar, vườn di sản của ASEAN, khu Dự trữ sinh quyển thế giới);

g) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cải tạo phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường, thực hiện quan trắc môi trường, thông tin về chất lượng môi trường, cảnh báo về ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý dữ liệu, thông tin và xây dựng báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật; tham mưu tổ chức thực hiện các chỉ tiêu thống kê môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức xác định thiệt hại đối với môi trường; yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

l) Tổng hợp nhu cầu kinh phí sử dụng nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Tài chính để cân đối trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch và dự

toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

m) Tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương theo phân công và theo quy định của pháp luật;

n) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện trên địa bàn tỉnh và công tác khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật.

#### 9. Về khí tượng thủy văn

a) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng;

b) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn của trung ương trên địa bàn;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai ở địa phương;

đ) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn, phạm vi quản lý;

e) Thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Tổ chức xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn quản lý;

h) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin khí tượng thủy văn liên quan đến vận hành của chủ các công trình hồ chứa trong thời gian có lũ theo quy định của pháp luật;

i) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các công trình, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc theo thẩm quyền các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo và thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn.

## 10. Về biến đổi khí hậu

a) Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của địa phương;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện việc lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

d) Tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp địa phương thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Quản lý hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon; kiểm soát hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hàng năm lập báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

i) Tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## 11. Về đo đạc và bản đồ

a) Thẩm định nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp của địa phương thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện việc đầu tư, xây dựng, vận hành, quản lý, bảo trì, bảo vệ, di dời, hủy bỏ các công trình hạ tầng đo đạc thuộc phạm vi quản lý;

c) Tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

d) Quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; quản lý việc lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

đ) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức sát hạch, cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II; lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ,



đăng tải thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

g) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các xuất bản phẩm bản đồ có nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản, các xuất bản phẩm bản đồ, sản phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật theo quy định;

h) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn; xây dựng báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

## 12. Về viễn thám

a) Tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý;

b) Xác định nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám của địa phương, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận; thực hiện thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương; gửi bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia theo quy định pháp luật;

c) Thăm định, quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám trên địa bàn theo quy định pháp luật.

## 13. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tài nguyên và môi trường

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh; tích hợp, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường; Thực hiện công tác thu thập, số hóa, cập nhật, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức cung cấp, dịch vụ, thu phí khai thác về thông tin, tư liệu tổng hợp về tài nguyên và môi trường;

b) Xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường. Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, hạ tầng mạng, nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý; thực hiện bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng theo quy định. Thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường. Tham mưu xây dựng lộ trình và triển khai thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường;

c) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế - xã hội; Quản lý, tích hợp và kết nối, liên

thông cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với Trung tâm Điều hành thông minh của tỉnh và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia;

d) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý;

đ) Thực hiện công tác lưu trữ, quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

e) Quản lý, cập nhật thông tin dữ liệu cho Cổng Thông tin điện tử của Sở, Cổng Thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

g) Nghiên cứu, ứng dụng, nâng cấp, hoàn thiện và tổ chức vận hành, tập huấn các phần mềm ứng dụng chuyên ngành tài nguyên và môi trường. Triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử;

h) Tiếp nhận, chuyển giao công nghệ của các tổ chức trong và ngoài nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

i) Thực hiện cung ứng dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và cung ứng các dịch vụ khác theo chức năng nhiệm vụ nêu trên.

14. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ về tài nguyên và môi trường đối với công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

15. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

17. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

19. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, Văn phòng, Thanh tra thuộc Sở; quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các tổ chức hành chính thuộc Sở; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; thực hiện bổ nhiệm, chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật

đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản, tài chính được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan nhà nước cấp trên.

### **Chương III** **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

#### **Điều 5. Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; báo cáo trước Hội đồng nhân dân, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

3. Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; số lượng Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và của pháp luật.

#### **Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường**

Sở Tài nguyên và Môi trường gồm có các phòng chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở.

1. Các phòng chuyên môn và tương đương, gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Quy hoạch;
- d) Phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản;
- đ) Phòng Kế hoạch Tài chính;
- e) Phòng Môi trường;
- g) Phòng Đất đai.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc gồm:

- a) Quỹ Bảo vệ Môi trường;
- b) Trung tâm Công nghệ thông tin;
- c) Trung tâm Phát triển quỹ đất;
- d) Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường;
- đ) Văn phòng Đăng ký đất đai.

Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ.

### **Điều 7. Biên chế làm việc**

1. Biên chế công chức Sở Tài nguyên và Môi trường do Giám đốc Sở cân đối trong số chỉ tiêu biên chế công chức được giao hàng năm đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phạm vi hoạt động.

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường bao gồm viên chức và người lao động thực hiện theo Đề án vị trí việc làm và phương án tự chủ tài chính được phê duyệt và thẩm quyền theo quy định.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 8. Chế độ làm việc**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc theo chế độ Thủ trưởng và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, Giám đốc Sở quyết định các công việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc theo ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về mọi mặt hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu trách nhiệm trước Bộ

trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về các mặt công tác chuyên môn do Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất quản lý; mọi hoạt động của Sở đều phải tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Quy chế làm việc của Sở; phát huy vai trò lãnh đạo của Lãnh đạo Sở và thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về tổ chức, hoạt động của cơ quan; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu; phối hợp với thủ trưởng cơ quan chuyên môn khác và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để giải quyết các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý công tác tổ chức, biên chế, chế độ tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng và kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giúp Giám đốc Sở phụ trách một số lĩnh vực công tác, chỉ đạo hoạt động của các đơn vị trực thuộc theo sự phân công của Giám đốc Sở và được ủy quyền giải quyết công việc theo các nguyên tắc được sử dụng nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở, thay mặt Giám đốc Sở khi giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, trước pháp luật về những quyết định của mình; quá trình thực hiện nhiệm vụ có khó khăn, vướng mắc hoặc vượt thẩm quyền cần có ý kiến của người đứng đầu cơ quan thì phải kịp thời báo cáo Giám đốc Sở.

## **Điều 9. Mối quan hệ công tác**

### **1. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo sự thống nhất về hoạt động của ngành trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương; báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác cho Bộ Tài nguyên và Môi trường; dự các cuộc họp do Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan thuộc Bộ triệu tập.

b) Đối với các chủ trương lớn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan đến nhiệm vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để có hướng dẫn chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

### **2. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của ngành.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả hoạt động của ngành; tổ chức thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tham gia các cuộc họp do Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành.

### 3. Đối với các Ban của Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh

Chủ động liên hệ công tác với các Ban của Tỉnh ủy tổ chức thực hiện Nghị quyết, chỉ thị, ý kiến chỉ đạo về những vấn đề liên quan đến công tác nội chính, tổ chức cán bộ, cải cách hành chính và các lĩnh vực hoạt động khác.

### 4. Đối với các sở, ban, ngành của tỉnh

a) Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành để thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường được đề nghị các sở, ban, ngành cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường nhằm giúp Sở theo dõi, quản lý nhà nước theo đúng quy định pháp luật.

### 5. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn. Được quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa thực hiện các báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường nhằm giúp Sở theo dõi, quản lý nhà nước theo đúng quy định pháp luật;

b) Trực tiếp làm việc với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành trên địa bàn tỉnh. Trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề liên quan đến Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường cần phối hợp, trao đổi với Ủy ban nhân dân các địa phương;

c) Phối hợp chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; công chức chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý về tài nguyên và môi trường;

d) Giám đốc Sở trực tiếp làm việc hoặc ủy quyền Phó Giám đốc Sở làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp giải quyết những kiến nghị của địa phương liên quan lĩnh vực quản lý.

## **Chương V** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Trách nhiệm thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, của địa phương, có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Phòng Tài nguyên và Môi trường; bố trí biên chế công chức cấp xã theo quy định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 11. Việc sửa đổi, bổ sung**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Quy định này có sự sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản hoặc quy định pháp luật mới ban hành (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 12 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 6715/TTr-SCT ngày 08 tháng 11 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hoàng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
(Kèm theo Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định quy trình xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện, thụ hưởng và quản lý các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công tỉnh Đồng Nai.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình khuyến công tỉnh/cấp huyện*: Là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công của tỉnh trong từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động tại địa phương.

2. *Kế hoạch khuyến công tỉnh/cấp huyện*: Là tập hợp các đề án nhiệm vụ khuyến công hàng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công địa phương. Kế hoạch khuyến công cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt/cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. *Đề án khuyến công địa phương* theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công bao gồm đề án khuyến công tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công tỉnh và đề án khuyến công cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công cấp huyện.

4. *Đề án khuyến công địa phương điểm* (sau đây gọi là đề án điểm) là đề án khuyến công tỉnh được lập theo ngành nghề sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh địa phương; có từ 02 nội dung hoạt động khuyến công và 02 đối tượng thụ hưởng trở lên; thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm; các nội dung hoạt động

khuyến công trong đề án có sự liên kết nhằm khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

5. *Đề án khuyến công địa phương theo nhóm* (sau đây gọi là đề án nhóm) là đề án khuyến công tỉnh có từ 02 đối tượng thụ hưởng trở lên thực hiện cùng một nội dung hoạt động khuyến công. Đề án nhóm bao gồm: Đề án đào tạo nghề, truyền nghề; nâng cao năng lực quản lý, khởi sự thành lập doanh nghiệp; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm; hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu.

6. *Đề án khuyến công địa phương theo đối tượng cụ thể* là đề án có một đối tượng thụ hưởng xác định cho một nội dung hoạt động khuyến công trên một địa bàn cụ thể.

7. *Đơn vị thực hiện đề án* là các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

8. *Đơn vị thụ hưởng* là tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công địa phương.

## Chương II

### TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG

#### **Điều 3. Trình tự xây dựng, triển khai chương trình khuyến công**

Định kỳ từng giai đoạn 05 năm, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ quy hoạch, định hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, xây dựng, tổng hợp chương trình khuyến công cho giai đoạn tiếp theo, cụ thể:

##### 1. Nội dung chương trình khuyến công

###### a) Cơ sở xây dựng chương trình khuyến công

- Kết quả thực hiện chương trình khuyến công của giai đoạn 05 năm trước;
- Nhu cầu thực tế của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn;
- Đăng ký chương trình khuyến công giai đoạn 05 năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

###### b) Báo cáo đăng ký chương trình khuyến công bao gồm:

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác khuyến công giai đoạn trước và định hướng công tác khuyến công của giai đoạn tiếp theo;
- Biểu tổng hợp nội dung chương trình, kinh phí và nguồn kinh phí khuyến công.

##### 2. Trình tự xây dựng chương trình khuyến công

a) Định kỳ năm cuối thực hiện chương trình khuyến công 05 năm, Sở Công Thương triển khai xây dựng chương trình khuyến công địa phương tỉnh cho giai đoạn tiếp theo.

b) Trên cơ sở xây dựng chương trình khuyến công được quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng triển khai xây dựng chương trình khuyến công cấp huyện giai đoạn 05 năm trên địa bàn quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, gửi đăng ký về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp.

c) Trên cơ sở đăng ký của huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp rà soát các đề án khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký và bổ sung thêm các đề án, nhiệm vụ của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp để hoàn thiện dự thảo chương trình khuyến công tỉnh, trình Sở Công Thương để lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương.

d) Sở Công Thương tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan, tổng hợp các ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh dự thảo chương trình khuyến công tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Quyết định phê duyệt chương trình khuyến công tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh là căn cứ để triển khai xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm.

#### **Điều 4. Trình tự xây dựng, triển khai kế hoạch khuyến công**

##### **1. Đối với kế hoạch khuyến công tỉnh**

a) Kế hoạch khuyến công tỉnh được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh bao gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công cấp tỉnh theo Mẫu số 2 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

b) Căn cứ hướng dẫn của Cục Công Thương địa phương về xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia, Sở Công Thương rà soát, lựa chọn một số đề án phù hợp trong danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh gửi Cục Công Thương địa phương đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định của Bộ Công Thương.

c) Căn cứ chương trình khuyến công tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Công Thương rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ theo danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp (trừ nguồn những đề án đã đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia) và bổ sung thêm nhiệm vụ của Sở Công Thương tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

d) Sở Công Thương thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định tại Điều 11 của Quy định này cho phù hợp với dự toán kinh phí khuyến công được giao của cấp có thẩm quyền, gửi Sở Tài chính có ý kiến về nguồn kinh phí theo quy định. Sau khi có ý kiến của Sở Tài chính và các đơn vị liên quan, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh.

đ) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh và dự toán thu chi ngân sách hàng năm được giao, Sở Công Thương thông báo giao kế hoạch kinh phí khuyến công tỉnh cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công tỉnh.

## 2. Đối với kế hoạch khuyến công cấp huyện

a) Kế hoạch khuyến công cấp huyện được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng. Báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện bao gồm:

- Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau;

- Danh mục đề án, nhiệm vụ khuyến công theo Mẫu số 2 của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

b) Căn cứ hướng dẫn của Sở Công Thương về xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ phù hợp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, gửi Sở Công Thương đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh theo quy định.

c) Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng rà soát, lựa chọn nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công cấp huyện (trừ nguồn những đề án đã đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh) tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng gửi cơ quan tài chính địa phương cùng cấp tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách của địa phương theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

d) Căn cứ quyết định phân bổ dự toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện phân bổ kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến công cấp huyện chi tiết theo đơn vị và nội dung trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

đ) Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện và dự toán thu chi ngân sách hàng năm được giao, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công cấp huyện.

## **Điều 5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch khuyến công**

### 1. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh

a) Giám đốc Sở Công Thương tổ chức thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công tỉnh thông qua bộ máy giúp việc hoặc Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập. Giám đốc Sở Công Thương có thể quyết định mời các chuyên gia, cán bộ chuyên môn tư vấn trong việc lựa chọn các đề án, nhiệm vụ khi thẩm định.

**b) Phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh**

Sau khi thẩm định, Sở Công Thương hoàn thiện hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình của Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh; Hồ sơ thẩm định;
- Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh, kèm biểu tổng hợp chi tiết các đề án, nhiệm vụ khuyến công.

**2. Phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện**

Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoàn thiện hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện, hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện.
- b) Dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện của Ủy ban nhân dân cấp huyện, kèm biểu tổng hợp chi tiết các nhiệm vụ khuyến công cấp huyện.

**Điều 6. Hồ sơ và thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công****1. Đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh**

a) Các huyện, thành phố gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh.

b) Thời gian các huyện, thành phố gửi tài liệu đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh trước ngày 20 tháng 5 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

c) Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp tổng hợp danh mục kế hoạch khuyến công tự thực hiện và đăng ký kế hoạch khuyến công của các huyện, thành phố để lập báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này gửi Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 6 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

**2. Đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện**

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi đăng ký kế hoạch khuyến công về Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị của cơ sở công nghiệp nông thôn;
- Danh mục đề án đăng ký kế hoạch khuyến công.

b) Thời gian các cơ sở công nghiệp nông thôn gửi đăng ký kế hoạch khuyến công cấp huyện thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Chương III**  
**TRÌNH TỰ XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  
**ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ KHUYẾN CÔNG**

**Điều 7. Nguyên tắc lập đề án khuyến công**

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với quy hoạch của tỉnh.
2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định tại Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai.
3. Phù hợp với chương trình khuyến công tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
4. Phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương có liên quan về hoạt động khuyến công.

**Điều 8. Tiêu chí chung và tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án**

1. Tiêu chí chung
  - a) Phù hợp với nguyên tắc lập đề án theo quy định tại Điều 7 Quy định này.
  - b) Nội dung hoạt động khuyến công có tác động khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi địa phương.
2. Tiêu chí ưu tiên
  - a) Ưu tiên các đề án khuyến công điểm; xét ưu tiên về ngành nghề, địa bàn theo quy định tại khoản 22 Điều 8 Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND.
  - b) Trong trường hợp các đề án khuyến công đăng ký triển khai trên địa bàn có điều kiện như nhau, ngành nghề như nhau, ưu tiên các đề án khuyến công có đơn vị thụ hưởng là các tổ hợp tác, hợp tác xã.

**Điều 9. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công**

Đề án khuyến công có những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.
3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.
4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.
5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.
6. Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo Biểu mẫu số 01 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

### **Điều 10. Hồ sơ đề án khuyến công thẩm định và thời gian gửi hồ sơ**

1. Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện 03 bộ hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký trước ngày 01 tháng 8 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Hồ sơ đề án khuyến công gồm:

- a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của cơ sở công nghiệp nông thôn.
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- c) Tờ khai doanh nghiệp nhỏ và vừa kèm báo cáo tài chính gần nhất.
- d) Tài liệu liên quan khác phục vụ công tác thẩm định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi 03 bộ hồ sơ đề án khuyến công theo quy định tại khoản 1 Điều này về Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp) trước ngày 15 tháng 8 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương).

3. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp gửi 02 bộ hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công (đối với đề án điểm) về Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 9 của năm trước liền kề năm kế hoạch (trường hợp khác theo hướng dẫn của Sở Công Thương) để thẩm định.

Hồ sơ đề án khuyến công gồm: Hồ sơ đề án khuyến công đã đăng ký của các huyện, thành phố; đề án khuyến công được lập theo quy định tại Điều 9 Quy định này; các tài liệu kèm theo như quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT.

### **Điều 11. Nội dung thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công**

1. Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

3. Năng lực của đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

4. Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

5. Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

### **Điều 12. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công**

1. Các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài (sử dụng kinh phí khuyến công hỗ trợ cho một hội chợ, triển lãm); hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp; các đề án truyền thông.



2. Ngoài các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn theo tiêu chí chung và tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án quy định tại Điều 8 của Quy định này.

### **Điều 13. Phương thức triển khai thực hiện đề án nhóm, đề án điểm**

#### 1. Đề án nhóm

Đề án nhóm không yêu cầu phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp khi thẩm định. Riêng đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phải lập theo từng lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của địa phương trên cơ sở danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, chủng loại máy móc thiết bị khi thẩm định và xác định đơn vị phối hợp, thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị khi lập kế hoạch triển khai để làm cơ sở ký kết hợp đồng khuyến công.

#### 2. Đề án điểm

a) Khi thẩm định đề án, các nội dung hoạt động khuyến công trong năm đầu kế hoạch phải xác định cụ thể địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, trừ các nội dung theo nhóm thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với việc xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo: Sở Công Thương chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh nội dung hoạt động khuyến công phù hợp với tình hình thực tế, lập thành kế hoạch khuyến công cho năm dự toán ngân sách trên cơ sở đã xác định cụ thể các nội dung yêu cầu như đối với năm đầu kế hoạch để thẩm định theo quy định.

c) Đề án điểm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện năm đầu kế hoạch, sẽ được ưu tiên bố trí kinh phí các năm tiếp theo để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 14. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công**

#### 1. Đối với các đề án thuộc kế hoạch khuyến công tỉnh

Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp phải có văn bản gửi Sở Công Thương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án. Trường hợp đề án do huyện đăng ký, đề nghị có văn bản giải trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Sau khi xem xét lý do, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh trong kế hoạch khuyến công tỉnh.

Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Sở Công Thương xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

2. Đối với các đề án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, và tổ chức thực hiện

a) Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công của Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

b) Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

#### **Chương IV**

### **TẠM ỨNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG VÀ CHỨNG TỪ CHI ĐỐI VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG**

#### **Điều 15. Nguyên tắc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí khuyến công**

1. Việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công tỉnh Đồng Nai, và các quy định hiện hành, phù hợp với tiến độ thực hiện đề án, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ cho các hợp đồng phục vụ các hoạt động khuyến công thực hiện theo Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong việc sử dụng kinh phí đều phải có chứng từ hợp pháp theo quy định, tuân thủ chế độ tài chính hiện hành và các quy định tại Quy định này.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng chế độ, quyết toán kinh phí đã sử dụng với cơ quan có thẩm quyền; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán và những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán sai chế độ.

5. Các tổ chức, cá nhân phải hoàn trả nộp ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí đã tạm ứng nhưng không có khối lượng thanh toán, những khoản kinh phí đã sử dụng nhưng không được quyết toán theo chế độ quy định.

#### **Điều 16. Chứng từ chi**

Chứng từ chi là toàn bộ chứng từ thanh toán gồm phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi hoặc giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và chứng từ gốc của từng nội dung chi theo quy định hiện hành, theo quy định cụ thể tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

#### **Điều 17. Thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí**

1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án cuối cùng trong năm kế hoạch, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định, nhưng không được chậm quá thời gian theo thông báo của Kho bạc Nhà nước.

2. Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện hoặc gia hạn việc triển khai thực hiện đề án sang năm tiếp theo. Hồ sơ đề thanh lý, quyết toán hợp đồng trong trường hợp này gồm: Văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án; Văn bản hoặc Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đề án do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đề án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện); Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng đã thực hiện; Chứng từ chi cho khối lượng công việc đã thực hiện theo quy định.

### **Điều 18. Hồ sơ thanh quyết toán**

1. Hồ sơ thanh quyết toán kinh phí khuyến công gồm: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi tiết kinh phí; Hợp đồng hỗ trợ (đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng); Biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Mẫu số 8a được ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Chứng từ chi và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

2. Đối với các đề án được nhà nước hỗ trợ kinh phí theo tỷ lệ phần trăm tổng kinh phí thực hiện, đơn vị thực hiện phải lập bảng kê chứng từ đề nghị quyết toán, bao gồm cả phần kinh phí từ nguồn khác kèm theo toàn bộ chứng từ chi.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 19. Trách nhiệm của Sở Công Thương**

1. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công khi được phê duyệt.

2. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công tỉnh.

3. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định đề án; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án, nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành.

4. Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công trên địa bàn tỉnh gửi Cục Công Thương địa phương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

**Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa**

1. Chỉ đạo Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế và Hạ tầng huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công cấp huyện.

2. Hàng năm, căn cứ chương trình khuyến công địa phương theo giai đoạn (05 năm) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tình hình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa triển khai đăng ký kế hoạch khuyến công tỉnh và phê duyệt kế hoạch khuyến công cấp huyện theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quy định này.

3. Chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công cấp huyện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Phối hợp Sở Công Thương kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu chương trình khuyến công trên địa bàn; tham gia thẩm định, nghiệm thu các đề án khuyến công tỉnh theo quy định tại Quy định này.

## **Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện đề án**

1. Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán các đề án, nhiệm vụ khuyến công; các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động khuyến công.

2. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán theo quy định tại Quy định này; sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

3. Đối với các đề án lập theo nhóm, sau khi được giao kế hoạch đơn vị thực hiện đề án rà soát và lập kế hoạch trình Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt kế hoạch để tổ chức thực hiện.

### **4. Trách nhiệm tổng hợp báo cáo**

a) Khi kết thúc thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng).

b) Tổng hợp báo cáo đột xuất, báo cáo phục vụ kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án và việc sử dụng kinh phí khuyến công.

6. Tham gia nghiệm thu các đề án khuyến công theo hợp đồng đã ký đúng quy định.

7. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính

xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

### **Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị thụ hưởng đề án khuyến công**

1. Phối hợp với đơn vị thực hiện trong quá trình xây dựng đề án, triển khai thực hiện đề án theo các nội dung được phê duyệt và các điều khoản trong hợp đồng thực hiện đề án ký với đơn vị thực hiện.

2. Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu và điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết phục vụ công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu đề án, nhiệm vụ khuyến công; thực hiện thanh lý và quyết toán kinh phí khuyến công được hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin, tài liệu, các loại báo cáo và các văn bản có liên quan đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong quá trình xây dựng và thực hiện đề án.

4. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến đề án khuyến công đã triển khai để phục vụ công tác hậu kiểm; tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án khuyến công; lập báo cáo và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan theo yêu cầu của đoàn kiểm tra, giám sát.

5. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công đơn vị thụ hưởng phải có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị thực hiện, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 24. Các sở, ban, ngành khác có liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hỗ trợ và tạo điều kiện thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công; tham gia thẩm định đề án, nhiệm vụ khuyến công theo đề nghị của Sở Công Thương.

### **Điều 25. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 7244/TTr-SCT ngày 05 tháng 12 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí (nếu có); hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng); công nghiệp

tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiêu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hóa trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; dịch vụ logistics, xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn.”

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn 5 điểm c khoản 4 Điều 4 như sau:

“Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tập huấn, sát hạch và cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực theo quy định của Bộ Công Thương”.

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn 9 điểm c khoản 4 Điều 4 như sau:

“Tổ chức lập kế hoạch, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn áp dụng mô hình quản lý năng lượng; Kiểm tra, giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong công nghiệp, kinh doanh, thương mại và dân dụng; Tổng hợp danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi văn bản về Bộ Công Thương.”

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn 4 điểm l khoản 4 Điều 4 như sau:

“Chủ trì hoặc tham gia ý kiến các hồ sơ, thủ tục liên quan đến triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.”

5. Bổ sung điểm q khoản 4 Điều 4 như sau:

“q) Quản lý nhà nước và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng”.

6. Sửa đổi, bổ sung đoạn 1 điểm a khoản 5 Điều 4 như sau:

“Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách quản lý và phát triển theo chức năng, thẩm quyền: các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại như: Chợ, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị, cửa hàng bán lẻ, sở giao dịch hàng hóa, trung tâm hội chợ, triển lãm, trung tâm đấu giá hàng hóa, trung tâm logistics và các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khác; các loại hình tổ chức, hình thức và phương thức kinh doanh thương mại như: Hợp tác xã thương mại, bán buôn, bán lẻ, đại lý thương mại, nhượng quyền thương mại, dịch vụ thương mại trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật”

7. Bổ sung điểm n khoản 5 Điều 4 như sau:

“n) Về dịch vụ logistics:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, pháp luật, phương án phát triển dịch vụ logistics và chương trình, đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh;

Điều phối, hỗ trợ các sở, ban, ngành, các Hiệp hội địa phương phát triển dịch vụ logistics và nâng cao năng lực doanh nghiệp logistics trên địa bàn tỉnh;

Tuyên truyền, phổ biến, phát triển thị trường, kết nối doanh nghiệp dịch vụ logistics với doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.”

**Điều 2.** Bãi bỏ nội dung đoạn 3 điểm g khoản 4 Điều 4.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Nội vụ, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024.

2. Các nội dung khác của Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hoàng**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2023/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Bãi bỏ các Quyết định quy phạm pháp luật của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 188/TTr-STP ngày 20 tháng 12 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí lựa chọn và chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 5, Điều 12 và Điều 19 quy định tiêu chí lựa chọn và chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý tạm trú tại các doanh nghiệp đối với lao

động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Đồng Nai.

5. Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định giá cước vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Quyết định số 56/2018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về một số mức chi cụ thể và việc lập dự toán, sử dụng, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Quyết định số 63/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế về xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**Q. CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3355/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh điểm g khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt quy hoạch phân khu A9 tại phường Tân Vạn, phường Bửu Hòa, phường Hóa An theo quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 143/TTr-SXD ngày 30 tháng 11 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt điều chỉnh điểm g khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt quy hoạch phân khu A9 tại phường Tân Vạn, phường Bửu Hòa, phường Hóa An theo quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

“g) Không gian xây dựng ngầm

- Không gian ngầm công cộng được xác định dưới phần đất có chức năng sử dụng đất công cộng, cây xanh thành phố và khu ở. Chức năng sử dụng không gian ngầm công cộng bao gồm các chức năng thương mại, dịch vụ, khu ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe,...

- Quy mô tầng hầm các công trình trong khu vực phân khu A9: Đối với các công trình công cộng, dịch vụ thương mại, nhà ở chung cư  $\leq 03$  tầng hầm; đối với công trình nhà ở riêng lẻ  $\leq 02$  tầng hầm. Việc xây dựng tầng hầm phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt hoặc có ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Không được xây dựng vượt quá chỉ giới xây dựng hoặc phạm vi sử dụng đất được xác định theo quyết định giao đất, thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi có nhu cầu xây dựng vượt quá chỉ giới xây dựng hoặc phạm vi sử dụng đất đã được xác định (trừ phần đầu nối kỹ thuật của hệ thống đường dây, đường ống ngầm) thì phải được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp thuận, cho phép.

- Đối với không gian công cộng ngầm thuộc các khu vực đã và đang triển khai đầu tư xây dựng, tiếp tục thực hiện theo dự án đã được phê duyệt.

- Đối với đất xây dựng nhà ở, nghiên cứu xây dựng không gian ngầm dưới các khu vực xây dựng nhà ở cao tầng và chỉ được sử dụng bố trí bãi đỗ xe ngầm và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần thiết.

- Đối với đất công cộng khác và cơ quan, văn phòng, khuyến khích xây dựng chỗ đỗ xe ngầm nhằm tiết kiệm đất.”

**Điều 2.** Căn cứ nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Ủy ban nhân dân các phường: Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An có trách nhiệm tổ chức công bố công khai cho Nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan về nội dung điều chỉnh quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt; theo dõi, cập nhật vào các giai đoạn triển khai quy hoạch tiếp theo tại khu vực.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không liên quan đến việc điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 phân khu A9 tại phường Tân Vạn, phường Bửu Hòa, phường Hóa An theo quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các phường: Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/CT-UBND

*Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

## **CHỈ THỊ**

### **Về tập trung thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2024**

Tình hình kinh tế - xã hội thế giới năm 2024 dự báo tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức, chiến sự Nga - Ukraine kéo dài, xung đột tại Dải Gaza leo thang, giá năng lượng thế giới tăng cao, chính sách vĩ mô thắt chặt của một số quốc gia, nền kinh tế thế giới có dấu hiệu bước vào giai đoạn suy thoái làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng, đơn hàng từ các đối tác thương mại. Với ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, thị trường nhà đất đóng băng, dự kiến tác động bất lợi đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2024.

Nhằm chủ động trong điều hành thực hiện nhiệm vụ thu, chi năm 2024 theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết nghị tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 của tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) theo chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các Nghị quyết của Đảng và Chính phủ; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh...; Triển khai quyết liệt công tác thu ngân sách nhà nước, quyết tâm thu đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí... Trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2024; quyết tâm thu đạt và vượt dự toán đã được Chính phủ, Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó:

a) Giao Cục trưởng Cục Thuế Đồng Nai ngay từ đầu năm triển khai quyết liệt nhiệm vụ thu nội địa ngân sách nhà nước năm 2024, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, nâng tỷ lệ số doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra thuế trong năm 2024; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận thuế, trốn thuế; đồng thời đẩy mạnh công tác thanh tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật của cán bộ công chức, viên chức ngành Thuế.

Quản lý chặt chẽ các khoản thu, nhất là thu qua hình thức khoán; mở rộng cơ sở thuế (kể cả đối tượng và căn cứ tính thuế); định kỳ công khai trên truyền thông các doanh nghiệp nợ thuế; phấn đấu số nợ thuế đến ngày 31/12/2024 xuống dưới 5% so

với số thực thu ngân sách nhà nước năm 2024; phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.

b) Giao Cục trưởng Cục Hải quan Đồng Nai triển khai quyết liệt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước từ lĩnh vực xuất nhập khẩu năm 2024, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra sau thông quan, tập trung vào các doanh nghiệp, lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm, có độ rủi ro cao; đồng thời đẩy mạnh công tác thanh tra hoạt động và việc chấp hành pháp luật của cán bộ công chức, viên chức ngành Hải quan.

Quản lý chặt chẽ giá tính thuế hải quan, nhất là những mặt hàng có giá trị lớn, thuế suất cao như ô tô, hàng mỹ phẩm, hàng tạm nhập tái xuất...; đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; năm 2024 phấn đấu đạt và vượt so dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đã được Bộ Tài chính và HĐND tỉnh giao.

c) Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện triển khai đẩy nhanh tiến độ giao đất ở, cấp quyền sử dụng đất đối với các khu vực đã được giao đất, rà soát để thu tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách nhà nước, bán đấu giá một số vị trí đất đã được phê duyệt theo kế hoạch.

d) Giao Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (Dofico); Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp (Sonadezi) nhanh chóng tiến hành các thủ tục thoái vốn tại các công ty con nhằm kịp thời thu hồi vốn nộp ngân sách nhà nước trong năm 2024.

e) Giao Chủ tịch UBND cấp huyện tạo điều kiện tốt nhất cho ngành Thuế thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn, đồng thời rà soát thu hồi các khoản nợ đọng, các Chi cục Thuế phấn đấu thu ngân sách nhà nước vượt từ 05% - 10% so dự toán đã được HĐND tỉnh giao.

2. Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, đúng chế độ quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Trong đó:

a) Giao Sở Tài chính và các đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện kỷ luật tài khóa, tiết kiệm chi tiêu, chi đúng chế độ, chính sách và dự toán đã được phê duyệt; Tiếp tục kiến nghị Bộ Tài chính hoàn thiện các văn bản hướng dẫn cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong một số ngành, lĩnh vực; ban hành quy định, định mức kinh tế kỹ thuật... làm cơ sở cho việc tính đúng, tính đủ giá thành dịch vụ sự nghiệp công, góp phần thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công nâng cao khả năng tự chủ tài chính, tự chủ trong hoạt động cung cấp dịch vụ, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công.

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị, địa phương thực hiện công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 phải thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm; rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư liên quan đến thể chế, công tác giao vốn, công tác giải phóng mặt bằng... đảm bảo đúng tiến độ các dự án góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công.

c) Giao Giám đốc các sở, ban, ngành và thủ trưởng các cơ quan đoàn thể cấp tỉnh điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao. Chủ động rà soát, sắp xếp các

nhiệm vụ chi thường xuyên; giảm tối đa và công khai các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách trong phạm vi quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Giao Chủ tịch UBND cấp huyện chủ động điều hành chi ngân sách theo dự toán, khả năng cân đối ngân sách, thực hiện chủ động dành nguồn để thực hiện các chính sách, chế độ chi đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

Tổ chức thực hiện chi cân đối ngân sách theo dự toán, khả năng thu ngân sách và tiến độ một số nguồn thu gắn với dự toán chi đầu tư phát triển (đặc biệt là khoản thu tiền sử dụng đất) và chủ động dành nguồn để thực hiện kịp thời các chính sách đã ban hành; quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách để tập trung cho các mục tiêu khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và một số nhiệm vụ cần thiết khác chưa được dự toán.

### 3. Tổ chức thực hiện:

a) Giám đốc các sở, ban, ngành và Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định của Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện và tổ chức kiểm tra việc thực hiện ở các đơn vị trực thuộc để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị; định kỳ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định./.

**Q. CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/CT-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2023

### **CHỈ THỊ**

#### **Về việc đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã thực hiện hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với nhiều dự án lớn (bao gồm các dự án giao thông, khu dân cư, khu tái định cư, khu cụm công nghiệp,...). Quá trình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đã nhận được sự quan tâm, phối hợp của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và các hộ dân trong vùng thực hiện dự án.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thời gian qua cũng còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế, chưa thực sự tạo điều kiện để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư: Chính sách pháp luật liên quan như việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, chính sách chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm còn nhiều bất cập; việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các cơ quan, đơn vị liên quan còn chậm, còn kéo dài; một bộ phận người dân trong vùng dự án không phối hợp thực hiện; việc giải quyết bố trí tái định cư và xác định nghĩa vụ tài chính tại các khu tái định cư còn lúng túng; việc đầu tư xây dựng các khu tái định cư còn rất chậm, một số khu tái định cư chưa được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kịp thời để chủ động bố trí, di dời các trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; đơn thư khiếu kiện của người dân trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn phát sinh nhiều, phần lớn là khiếu kiện về giá đất bồi thường và xét tái định cư.

Những tồn tại trên, ngoài nguyên nhân khách quan như các quy định, chính sách pháp luật còn một số bất cập, việc áp dụng còn gặp vướng mắc; tình trạng chuyển quyền sử dụng đất, xây dựng nhà ở trái pháp luật, thì những nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng đến tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án, cụ thể đó là:

- Việc thực hiện các công việc từ khi thông báo thu hồi đất đến khi chi trả tiền bồi thường bị gián đoạn, không liên tục, dẫn đến kéo dài thời gian, phát sinh khiếu kiện và dự án không thể triển khai được do việc bàn giao mặt bằng không đồng bộ.

- Cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa phát huy hết vai trò trong việc lãnh đạo, chỉ đạo (những dự án có sự chỉ đạo quyết liệt của tỉnh thì tiến độ được đẩy nhanh và ngược lại).

- Trên thực tế mặc dù đã được UBND tỉnh phân cấp, phân quyền trong việc thu hồi đất, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường nhưng vẫn còn xảy ra tình trạng né tránh, đùn đẩy và sợ trách nhiệm trong quá trình thực hiện.

- Nhân lực thực hiện công tác bồi thường ở một số địa phương còn hạn chế (*cả số lượng và năng lực chuyên môn*), nhất là tại các địa phương có dự án lớn hoặc



nhiều dự án phải thực hiện công tác bồi thường cùng thời điểm, trong khi không được tuyên dụng đào tạo.

- Công tác tuyên truyền, vận động, giải thích cho các đối tượng bị ảnh hưởng thực hiện chưa tốt.

Đề đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư, nhằm tạo động lực, chuyển biến quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Từ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế làm phát sinh khó khăn vướng mắc, những nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Đối với các sở, ngành cấp tỉnh:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện:

- Rà soát Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024, để tiếp tục điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và trình UBND tỉnh quyết định ban hành.

- Tiếp tục rà soát, tổng hợp các nội dung liên quan và thực hiện việc xây dựng, hoàn thiện, trình ban hành quyết định thay thế Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; quyết định thay thế Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau khi Luật Đất đai mới được thông qua và có hiệu lực thi hành.

- Tiếp tục rà soát, tổng hợp các nội dung liên quan và thực hiện việc xây dựng, hoàn thiện, trình ban hành quyết định thay thế Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quy chế phối hợp tổ chức xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh sau khi Luật Đất đai mới được thông qua và có hiệu lực thi hành.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa rà soát các nội dung còn vướng mắc trong việc thực hiện quy định liên quan đến việc áp dụng giá đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi các thông tư hướng dẫn cụ thể hơn để địa phương áp dụng.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa đề xuất xử lý điều chỉnh hoặc hủy bỏ các dự án, các công trình trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm mà đã quá 03 năm nhưng chưa có quyết định thu hồi đất; xử lý dứt điểm các dự án, công trình đã có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường nhưng còn tồn đọng, chưa triển khai được (*nhất là dự án, công trình trọng điểm của tỉnh*).

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra tiến độ, tình hình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các địa phương; kịp thời tham mưu UBND tỉnh chấn chỉnh, xử lý đối với các địa phương, đơn vị thực hiện còn chậm, còn kéo dài, còn để xảy ra những tồn tại, khuyết điểm.

b) Sở Tài chính chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện:

- Khẩn trương rà soát những tồn tại, bất cập quy định tại Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự thủ tục giải quyết tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để tham mưu UBND tỉnh kịp thời điều chỉnh lại cho phù hợp.

- Đề xuất UBND tỉnh nâng cao năng lực hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp tỉnh và cấp huyện, để đảm bảo giá đất cụ thể tính tiền bồi thường được phê duyệt phù hợp với thực tế tại địa phương và rút ngắn được thời gian thẩm định.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất UBND tỉnh các biện pháp hỗ trợ khác để đảm bảo ổn định đời sống, sản xuất của người bị thu hồi đất theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; đồng thời, xây dựng đơn giá bồi thường tài sản, cây trồng, vật nuôi trên đất, đề xuất UBND tỉnh xử lý các vướng mắc liên quan đến việc áp dụng giá cả bồi thường, các chính sách hỗ trợ cho người bị thu hồi đất.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh bố trí nguồn vốn cho các địa phương để triển khai đầu tư xây dựng các khu tái định cư (*nhất là dự án, công trình trọng điểm của tỉnh*).

c) Sở Xây dựng chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện:

- Rà soát, xây dựng lại quy định về đơn giá bồi thường nhà ở, tài sản, vật kiến trúc trên đất cho phù hợp với giá cả thực tế trên thị trường, tạo sự đồng thuận của các hộ dân bị thu hồi đất, trình UBND tỉnh ban hành theo quy định.

- Xác định vị trí, quy mô khu tái định cư cho phù hợp với quy hoạch phát triển chung của địa phương, khẩn trương trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu tái định cư theo quy định.

- Hướng dẫn việc xác định giá trị nhà ở, các công trình xây dựng trên đất để bồi thường, hỗ trợ tại các địa phương.

d) Sở Nội vụ chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện tham mưu, đề xuất UBND tỉnh việc bố trí, tăng cường, điều động nguồn nhân lực hợp lý để các sở, ngành và địa phương thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các địa bàn đang triển khai các dự án, công trình trọng điểm, địa bàn thực hiện cùng lúc nhiều dự án.

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo nghề, đào tạo việc làm, tổ chức lại sản xuất, ổn định đời sống cho người có đất bị thu hồi.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính xây dựng quy định về đơn giá cây trồng, vật nuôi đảm bảo phù hợp với thực tế tại địa phương.

g) Thanh tra tỉnh chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện:

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại các dự án cụ thể để đề xuất UBND tỉnh chấn chỉnh kịp thời các tổ chức, cá nhân sai phạm, làm chậm tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Tập trung giải quyết khiếu nại của người dân về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, không để chậm trễ, kéo dài.

- Tiếp nhận, giải quyết xử lý kịp thời các nội dung tố cáo của người dân về những vi phạm trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai, khách quan, công bằng, đúng quy định pháp luật.

2. UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm tập trung thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động của các tổ chức đoàn thể và địa phương, đổi mới trong cách thức tổ chức thực hiện, tiếp cận với người dân để giải thích, vận động, thuyết phục; thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức vận động để đảm bảo sự thống nhất, chặt chẽ trong từng bước thực hiện, nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của người dân, kịp thời vận động, thuyết phục, giải thích những nội dung mà người dân chưa rõ, đề xuất giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Trong công tác vận động, cần chú trọng tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong gia đình thuộc diện phải giải phóng mặt bằng; tập trung vận động những gia đình có uy tín, có vị trí trong xã hội, nhằm tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân noi theo. Những trường hợp đã được tuyên truyền, vận động nhiều lần nhưng vẫn chưa đồng thuận thì phải phân công những cán bộ, đảng viên có kinh nghiệm để tiếp cận và kiên trì thuyết phục. Đối với những hộ dân có tranh chấp, các đoàn thể phải phối hợp các ban, ngành liên quan để giải thích, hòa giải, phối hợp tiến hành xác minh cụ thể để có cơ sở giải thích với từng hộ dân, nếu không đồng thuận thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Chỉ đạo kịp thời việc phối hợp thực hiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc liên quan; phải có sự phối hợp chặt chẽ, kiểm tra, kiểm soát lẫn nhau trong từng khâu công việc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khi bắt đầu đến khi hoàn thiện phương án để tránh sai sót, rút ngắn thời gian thực hiện, tạo điều kiện để bàn giao mặt bằng sớm cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

- Trong công tác chỉ đạo thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng phải có tính quyết liệt, đồng bộ và kịp thời, với sự phân công cụ thể, rõ ràng, đúng người, đúng việc và coi đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương; đồng thời, làm rõ vai trò trách nhiệm, có hình thức xử lý nghiêm đối với từng tổ chức, cá nhân buông lỏng công tác này (*nhất là việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị liên quan*).

- Chủ động xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; lưu ý chỉ kiến nghị cấp trên xử lý đối với trường hợp vướng mắc mà chưa được pháp luật quy định cụ thể, không làm kéo dài thời gian thực hiện.

- Rà soát, báo cáo cụ thể nội dung còn vướng mắc trong việc áp dụng các quy định liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn.

- Nghiêm túc thực hiện đúng quy trình, thời gian đối với từng khâu công việc cụ thể trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai, quy định của UBND tỉnh; không tự ý chia tách dự án để lập, phê duyệt bồi thường làm nhiều lần, việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khác nhau trong cùng một dự án, dẫn đến so bì, khiếu kiện của người bị thu hồi đất, việc bàn giao đất manh mún cũng không thể thi công dự án.

- Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ, Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh đề khẩn trương ổn định tổ chức tham mưu công tác định giá đất, thẩm định giá đất, phát huy hiệu quả trong công tác xác định giá đất cụ thể theo ủy quyền. Trong đó, giá đất tính tiền bồi thường được phê duyệt phải phù hợp với thực tế tại địa phương, đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất; thời điểm phê duyệt giá đất bồi thường phải phù hợp với thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai.

- Rà soát, chủ động việc bố trí nguồn vốn, quỹ đất, thủ tục liên quan, nhanh chóng đầu tư xây dựng các khu tái định cư trước khi thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn; đồng thời, yêu cầu chủ đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng tái định cư đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án tái định cư đang thực hiện dở dang để chủ động bố trí, di dời các hộ dân bị thu hồi đất theo đúng quy định của Luật Đất đai (*việc thu hồi đất chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành xây dựng nhà ở hoặc cơ sở hạ tầng của khu tái định cư*).

- Xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân có hành vi lấn, chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng nhà ở, công trình trái phép trên đất nông nghiệp, xây dựng khi đã có thông báo thu hồi đất; tổ chức định kỳ kiểm tra để đánh giá, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân buông lỏng công tác quản lý đất đai tại các địa phương.

- Rà soát, đề xuất điều chỉnh hoặc hủy bỏ các dự án, các công trình có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm mà đã quá 03 năm nhưng chưa thu hồi đất để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất.

- Chủ động rà soát, tính toán cụ thể nhân lực thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các dự án đang và sẽ triển khai trong thời gian tới để bố trí, tuyển dụng, điều động nguồn nhân lực (*chú trọng nhân lực của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, cán bộ địa chính cấp xã*) đảm bảo đáp ứng đủ để thực hiện tại các dự án đầu tư trên địa bàn, nhất là đối với các địa bàn đang triển khai các dự án, công trình trọng điểm, địa bàn thực hiện cùng lúc nhiều dự án; đồng thời, kịp thời đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với đội ngũ làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đảm bảo yêu cầu về số lượng và nâng cao chất lượng phục vụ công tác này.

- Kiện toàn và nâng cao trình độ năng lực của bộ phận tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nghiêm túc thực hiện việc tiếp, đối thoại và giải quyết khiếu nại của công dân, hạn chế khiếu kiện đông người, kéo dài, gây mất trật tự xã hội tại địa phương.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này; trường hợp vướng mắc trong quá trình thực hiện, kịp thời gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo xử lý./.

**Q. CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/CT-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**CHỈ THỊ**  
**Về tăng cường công tác quản lý đất đai**  
**trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Trong những năm qua, công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời. UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật theo phân cấp để triển khai thi hành Luật Đất đai, đồng thời ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tăng cường công tác quản lý đất đai. Các chủ trương lãnh đạo của Tỉnh ủy, chỉ đạo của UBND tỉnh đã được các cấp, các ngành thực hiện và từng bước đi vào cuộc sống, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh vẫn còn những hạn chế nhất định như: Công tác quản lý quy hoạch chưa hiệu quả, chưa có sự giám sát chặt chẽ và xử lý kịp thời của các cấp địa phương dẫn đến việc người sử dụng đất tự ý tách thửa, sử dụng đất không đúng mục đích. Nhiều trường hợp đất được giao, cho thuê chậm đưa vào sử dụng, cá biệt có trường hợp không sử dụng trong thời gian dài làm lãng phí nguồn lực đất đai; một số trường hợp người sử dụng đất không thực hiện các thủ tục đăng ký biến động theo quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong sử dụng đất đai còn hạn chế, chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa thường xuyên (nhất là ở cấp cơ sở).

Nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

**1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Tham mưu triển khai thực hiện Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn ngay sau khi được ban hành, kịp thời đưa các quy định pháp luật đất đai đi vào thực tiễn, xây dựng và tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai; triển khai lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt; tổ chức lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm tỉnh Đồng Nai, thông báo, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện. Lập kế hoạch phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố kiểm tra, đánh giá việc quản lý thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030. Qua đó, kịp thời đề xuất xử lý các tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

c) Tổ chức rà soát tiến độ thực hiện các dự án đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm đưa vào sử dụng, sử dụng đất chậm theo tiến độ dự án đầu tư. Kiên quyết đề xuất UBND tỉnh thu hồi đất đối với những dự án chậm triển khai, đã được gia hạn nhưng vẫn không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm so với tiến độ đầu tư theo quy định. Làm việc cụ thể với các địa phương để xem xét phương án điều chỉnh mục tiêu quy hoạch đối với các khu đất công đang quản lý nằm trong đô thị nhằm ưu tiên phục vụ các mục tiêu công ích của các địa phương.

d) Tổ chức quản lý chặt chẽ các khu đất được UBND tỉnh giao quản lý, không để trường hợp lấn chiếm, tranh chấp... xảy ra; Lập đầy đủ thủ tục theo quy định và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch.

đ) Tập trung phối hợp UBND các huyện, thành phố rà soát số liệu đất công trên địa bàn tỉnh, lập thủ tục điều chỉnh Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh phù hợp với số liệu thực tế.

e) Tập trung rà soát xử lý tồn tại về đất đai của các nông, lâm trường theo Kế hoạch số 16127/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh; trong đó tập trung xử lý vướng mắc trong công tác đo đạc, cắm mốc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quỹ đất được xác định để lại cho các nông, lâm trường sử dụng theo phương án sử dụng đất được duyệt, tham mưu lập thủ tục thu hồi quỹ đất xác định giao về địa phương quản lý, hạn chế để xảy ra việc lấn, chiếm đất; Đôn đốc UBND các huyện, thành phố sớm lập, trình thẩm định phương án sử dụng đất đối với diện tích đã thu hồi của các nông, lâm trường bàn giao cho địa phương.

g) Tham mưu thực hiện tốt công tác định giá cụ thể, phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa xử lý vướng mắc trong công tác định giá theo phân cấp tại Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ.

h) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành xử lý khó khăn vướng mắc của các địa phương trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh.

i) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, giám sát UBND các huyện, thành phố trong công tác phân lô, tách thửa, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ đúng quy định pháp luật có liên quan. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm đất đai, sử dụng đất không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

k) Chủ trì kiểm tra việc chấp hành pháp luật đất đai; tổ chức kiểm tra trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong công tác quản lý đất đai, nhất là trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai.

l) Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản

lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Kế hoạch số 223-KH/TU ngày 13/02/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

## **2. Sở Xây dựng**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương trong việc thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy hoạch.

b) Tăng cường quản lý nhà nước về xây dựng, nhất là công tác cấp phép xây dựng cho các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất; thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng của UBND các huyện, thành phố; xử lý hoặc kiến nghị xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong công tác quản lý trật tự xây dựng và hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định.

## **3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các đơn vị chủ rừng tổ chức thực hiện tốt quy hoạch 03 loại rừng; nghiêm cấm hành vi sử dụng đất sai mục đích tại khu vực đã được quy hoạch 03 loại rừng.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định và tổ chức thực hiện tốt việc giao rừng, cho thuê rừng, khoán rừng, từ đó quản lý chặt chẽ quỹ đất rừng, tránh việc lấn chiếm sử dụng đất sai mục đích.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa theo dõi, yêu cầu các đơn vị quản lý đất lâm nghiệp rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh phương án sử dụng đất lâm trường, cắm mốc quản lý chặt chẽ ranh giới đất được giao quản lý, sử dụng; đồng thời theo dõi, chỉ đạo các đơn vị quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp phối hợp các địa phương giải quyết dứt điểm các tranh chấp, lấn chiếm liên quan đến đất lâm trường được xác định tiếp tục giao cho đơn vị sử dụng theo phương án sử dụng đất.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan liên quan thực hiện các quy chế phối hợp về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

## **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan kiểm tra và xử lý các dự án đầu tư chậm tiến độ theo quyết định chủ trương đầu tư. Xử lý thu hồi chấp thuận đầu tư đối với các dự án chậm triển khai; đảm bảo việc thực hiện dự án theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính bố trí nguồn vốn đầu tư thực hiện các dự án đầu tư liên quan đến công tác quản lý đất đai theo quy định Luật Đầu tư công.



## **5. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố tổ chức rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ ngành Tài nguyên và Môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã; đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo thực hiện việc ổn định đội ngũ công chức địa chính - xây dựng cấp xã; xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực thi công vụ về lĩnh vực đất đai và có trách nhiệm theo dõi thực hiện công tác quản lý đất đai và đưa vào nội dung đánh giá công vụ hàng năm liên quan đến trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương.

## **6. Công an tỉnh**

Điều tra, xử lý theo quy định các trường hợp tự ý phân lô, sào bần đất nền trên các trang mạng nhưng không có dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

## **7. Sở Thông tin và Truyền thông**

Tiếp tục phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các đơn vị có liên quan chỉ đạo, định hướng cho các cơ quan báo chí tỉnh, hệ thống Đài phát thanh cấp huyện và Đài truyền thanh cấp xã thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân về công tác quản lý đất đai; cập nhật các chủ trương, đường lối, chính sách, kế hoạch về pháp luật trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

## **8. Sở Tư pháp**

Tổ chức quản lý tốt hoạt động công chứng của các Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh; hàng năm phối hợp với các đơn vị liên quan có kế hoạch kiểm tra, xử lý trách nhiệm các Văn phòng công chứng thực hiện việc công chứng các giao dịch đất đai nhưng chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật.

## **9. Thanh tra tỉnh**

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thanh tra, kiểm tra, đề xuất xử lý trách nhiệm của các địa phương còn hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý đất đai.

b) Xây dựng kế hoạch thanh tra việc quản lý sử dụng đất; thanh tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Kịp thời nắm bắt, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm trong xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân để phát sinh phức tạp, tạo ra điểm nóng.

## **10. UBND các huyện, thành phố thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa**

a) Thực hiện công bố, công khai đúng quy định các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt (đặc biệt là quy hoạch sử dụng đất); thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt đảm bảo phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch chuyên ngành khác đã được duyệt đang còn hiệu lực; kiểm soát chặt việc chuyển mục đích sử dụng đất, nhất là các vị trí đề xuất chuyển mục đích sang đất ở có diện tích lớn hoặc nhiều thửa đất cận kề nhau mà không chứng minh được nhu cầu thực tế, không có hệ thống hạ tầng công cộng, không tiếp nhận các hộ dân hiến, tặng, trả lại quyền sử dụng

đất cho Nhà nước để sử dụng vào mục đích xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng trong các thửa đất xin tách thửa nhưng không phù hợp với quy hoạch.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh đối với các trường hợp để xảy ra tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng quy hoạch được duyệt.

c) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tập trung quản lý quy hoạch, kịp thời báo cáo UBND các huyện, thành phố các trường hợp sử dụng đất trái phép, không phù hợp quy hoạch và các trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng quy định.

d) Kịp thời chỉ đạo xử lý nghiêm các trường hợp chuyển mục đích trái phép (đặc biệt là đối với đất trồng lúa, đất rừng). Kiểm soát chặt chẽ tình trạng phân lô bán nền, sử dụng sai mục đích và xây dựng trái phép. Các trường hợp vi phạm trong quy hoạch sử dụng đất được duyệt phải ngăn chặn và xử lý kịp thời, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo cơ quan thẩm quyền cấp trên để được phối hợp xử lý dứt điểm. Kịp thời thu hồi đất do người sử dụng đất trả lại để quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

đ) Chỉ đạo rà soát, lập kế hoạch xử lý các trường hợp đã đăng ký chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu trên địa bàn quản lý. Khẩn trương rà soát, hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

e) Chỉ đạo các tổ chức hành chính, sự nghiệp đang sử dụng đất trên địa bàn thực hiện rà soát quỹ đất được giao, lập thủ tục công nhận kết quả rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

g) Quản lý chặt chẽ đất chưa giao, cho thuê do UBND cấp xã đang quản lý tiếp nhận đất từ các nông, lâm trường, các đơn vị quốc phòng bàn giao địa phương.

h) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra các công trình xây dựng lấn chiếm đất công, lấn chiếm hành lang bảo vệ các công trình công cộng (lập hồ sơ đến từng tổ chức, cá nhân), xác định cụ thể mức độ vi phạm của các công trình, trên cơ sở đó tích cực tuyên truyền, vận động người dân tự giác tháo dỡ công trình vi phạm, trường hợp không chấp hành thì thực hiện nghiêm việc cưỡng chế, tháo dỡ công trình vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật.

i) Thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm đất đai, sử dụng đất không đúng mục đích theo quy định của pháp luật. Kiểm tra, xử lý cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có dấu hiệu buông lỏng trong quản lý đất đai để xảy ra vi phạm mà không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm.

k) Chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở, quan tâm giải quyết tốt các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; không để xảy ra tình trạng chậm giải quyết, giải quyết kéo dài dẫn đến khiếu kiện đông người, vượt cấp.

l) Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện các nội dung sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng, tách thửa, phân lô, chuyển mục đích sử dụng đất (đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng) không đúng quy định pháp luật.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp ngăn chặn và đảm bảo xử lý vi phạm hành chính đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Chủ tịch UBND cấp xã phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi vi phạm nêu trên (nếu có).

### **11. Tổ chức thực hiện**

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai và theo dõi việc tổ chức thực hiện Chỉ thị này. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các địa phương phải kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Phi**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/CT-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2023

## CHỈ THỊ

### Về tăng cường công tác quản lý nhà nước để thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 về quản lý, bảo vệ môi trường

Thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã nhận được sự quan tâm, tham gia của cả hệ thống chính trị và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tình hình vệ sinh môi trường đã có chuyển biến, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của cán bộ, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được nâng lên, tạo được sự đồng tình và hưởng ứng của quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, trước sức ép của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, công tác bảo vệ môi trường vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ vẫn còn diễn ra ở một số khu vực; áp lực từ chất thải sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt ngày một gia tăng.

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI về chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, đoàn thể năm 2024 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch phát triển - kinh tế, quốc phòng - an ninh năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

Để hoàn thành các chỉ tiêu về môi trường theo Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các đơn vị liên quan tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 về quản lý, bảo vệ môi trường, như sau:

## I. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

**1. Triển khai thực hiện Đề án quản lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án quản lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh **trong quý I năm 2024**.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa:

- Thực hiện đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại địa phương theo Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong đó mỗi huyện, thành phố chọn 01 xã/phường/thị trấn làm mô hình điểm thực hiện đồng bộ phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; qua đó tạo hiệu ứng cho hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn **định kỳ hàng tháng** tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt và các loại chất thải phát sinh trên các tuyến đường giao thông, khu vực công cộng, các khu đất chưa sử dụng, dọn dẹp vệ sinh tạo cảnh quan môi trường luôn xanh, sạch, đẹp tại các địa phương trên toàn tỉnh. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi đổ chất thải rắn sinh hoạt, các loại chất thải không đúng quy định.

## **2. Triển khai thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện, công suất 1.200 tấn rác/ngày tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu theo phương thức đối tác công tư (PPP)**

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan rà soát, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định; Đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư dự án, ký hợp đồng dự án theo quy định. Thời hạn hoàn thành **trong năm 2024**.

## **3. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050**

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải đô thị tại các khu vực có nguy cơ ngập úng; các dự án cải tạo kênh mương, đoạn sông suối đã bị ô nhiễm nặng chảy qua các đô thị, khu dân cư tập trung và các dự án nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn. Nghiêm ngặt bảo vệ diện tích các hồ tự nhiên, suối tự nhiên, không để lấn chiếm làm mất hoặc thu hẹp diện tích dòng chảy. Tổng hợp tất cả các dự án về thoát nước và xử lý nước thải đô thị đã, đang và chưa triển khai thực hiện trên địa bàn.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp đang hoạt động.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa giám sát, đôn đốc các chủ đầu tư cụm công

ng nghiệp và các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp hoàn thành lập thủ tục môi trường, đầu tư các hạng mục công trình xử lý nước thải theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa thực hiện rà soát tình hình dân cư sinh sống tại các cụm công nghiệp đã được thành lập trên địa bàn quản lý và đề xuất lộ trình di dời dân cư sinh sống (nếu có) ra khỏi cụm công nghiệp.

đ) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Long Khánh tiếp tục kiểm tra, xử lý và theo dõi việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả gây ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi, hộ chăn nuôi trên địa bàn theo Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhằm xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động chăn nuôi.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Long Khánh xây dựng kế hoạch, lộ trình và tổ chức thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn quản lý theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách các cơ sở chăn nuôi phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

g) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa chủ trì rà soát thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm môi trường để xây dựng kế hoạch, lộ trình di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc tại địa phương, đơn vị và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2024.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị nêu trên về Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp **trước ngày 15 tháng 12 năm 2024**.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc thực hiện Chỉ thị này và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh **trước ngày 31 tháng 12 năm 2024**.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này. Trong quá trình triển khai

thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa kịp thời có văn bản báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Phi**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,

TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.941869

Email: [congbao@dongnai.gov.vn](mailto:congbao@dongnai.gov.vn)

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>